

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 596/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thanh B, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số Q đường A, phường W, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số E đường R, tổ Y, ấp U, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số S đường N, phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phan Hồng V và Luật sư Huỳnh Đình T – Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn L thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: Số A1 đường K, phường H, quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Vũ Thanh B và ông Vũ Văn Đ thống nhất như sau:

- Cha, mẹ của bà Vũ Thanh B và ông Vũ Văn Đ là ông Vũ Quang M1 và bà Đỗ Ngọc H1.

- Những người thừa kế di sản của bà Đỗ Ngọc H1 sinh năm 1926, mất năm 2008 và ông Vũ Quang M1 sinh năm 1924, mất năm 2010 bao gồm: bà Vũ Thanh B sinh

năm 1954 và ông Vũ Văn Đ sinh năm 1956, không có người thừa kế nào khác.

- Di sản bà Đỗ Ngọc H1 và ông Vũ Quang M1 để lại là phần đất có diện tích 8.110,8 m² thuộc các thửa số 176,139,174,175,140,142,137,177 tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 344/QSDĐ ngày 09/3/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Đỗ Ngọc H1.

- Giá trị tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất có giá như sau: đất lúa là 500.000 đồng/m², đất vườn là 700.000 đồng/m², đất thổ vườn là 1.000.000 đồng/m².

- Chi phí tố tụng và Bản vẽ sơ đồ nhà đất là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng bà B đã nộp, bà Vũ Thanh B và ông Vũ Văn Đ thỏa thuận mỗi người chịu ½ (một phần hai). Ông Vũ Văn Đ có trách nhiệm hoàn lại cho bà Vũ Thanh B 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

2.2. Bà Vũ Thanh B được toàn quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 3.109,9 m² thuộc các thửa 175, 176 và một phần thửa 177 tờ bản đồ số 20 (theo tài liệu 02/CT-UB), bộ địa chính xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 344/QSDĐ ngày 09/3/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Đỗ Ngọc H1. Mục đích sử dụng đất 582,3 m² là lúa, 2.527,6 m² là thổ vườn. Trên đất có các công trình và tài sản sau:

- 01 căn nhà cấp 4 diện tích 131,7m² có kết cấu mái lợp tole, tường gạch xây tô, nền Ceramix;

- 01 mái tole có diện tích 97,6m² có kết cấu mái lợp tole, đòn tay sắt, trụ sắt, nền xi măng;

- 01 mái tole có diện tích 10,8m² có kết cấu mái lợp tole, đòn tay sắt, trụ sắt, nền xi măng;

- 01 mái tole có diện tích 31,3m² có kết cấu mái lợp tole, đòn tay sắt, trụ sắt, nền xi măng;

- 01 nhà vệ sinh có diện tích 4,6m²;

- 20 gốc bưởi trồng được 02 năm, chưa cho trái; 07 cây măng cụt, đường kính 20cm, đang cho trái; 04 cây mít đang cho trái; 02 cây mận đang cho trái; 02 cây xoài đang cho trái; 40 gốc trà xanh.

- 05 ngôi mộ có diện tích 46,9 m² và 01 ngôi mộ có diện tích 7,2m² (bà cố, bà ngoại, dì ba, dì tư và cha mẹ). Bà B được quyền tiếp tục quản lý, trông coi và tạo điều kiện cho dòng họ thân tộc đến viếng, thắp hương 06 ngôi mộ nêu trên.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa phân chiếc số 79-1 và đường @, tờ bản đồ số 51(theo tài liệu đo năm 2003) thuộc khu 1 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH đo đạc thiết kế xây dựng Long Thuận lập ngày 30/3/2020, đã được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh Củ Chi kiểm tra nội nghiệp ngày 23/4/2020.

2.3. Ông Vũ Văn Đ được toàn quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 5.000,9 m² thuộc các thửa số 137, 139, 140, 142, 174 và một phần thửa 177 tờ bản đồ số 20 (theo tài liệu 02/CT-UB), bộ địa chính xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 344/QSDĐ ngày 09/3/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Đỗ Ngọc H1. Mục đích sử dụng đất 740,3 m² là lúa, 4.260,6 m² là vườn. Trên đất có các công trình và tài sản sau:

- 01 mái tole có diện tích 32m² có kết cấu mái lợp tole, đòn tay sắt, trụ sắt, nền xi măng;

- 70 cây măng cụt, đường kính 20 cm, đang cho trái; 10 cây sầu riêng chưa cho trái; 10 cây dâu, đường kính 10cm, đang cho trái.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa phân chiếc số 79-2, tờ bản đồ số 51(theo tài liệu đo năm 2003) thuộc khu 2 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH đo đạc thiết kế xây dựng Long Thuận lập ngày 30/3/2020, đã được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh Củ Chi kiểm tra nội nghiệp ngày 23/4/2020.

Ông Vũ Văn Đ có trách nhiệm giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 344/QSDĐ ngày 09/3/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Đỗ Ngọc H1 cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để các bên đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sử dụng tài sản gắn liền với đất đã được phân chia như trên.

2.4. Trường hợp ông Vũ Văn Đ không thực hiện việc giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 344/QSDĐ ngày 09/3/2001, Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 344/QSDĐ ngày 09/3/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Đỗ Ngọc H1 để các bên đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sử dụng tài sản gắn liền với đất đã được phân chia như trên.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Vũ Thanh B phải chịu 44.187.500 (bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng nhưng do bà B là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Ông Vũ Văn Đ phải chịu 49.525.700 (bốn mươi chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm) đồng nhưng do ông Đ là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Văn Dũng

